Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0803.90.20

Mã HS	0803.90.20
Mô tả hàng hóa	Chuối, kể cả chuối lá, tươi hoặc khô / - Loại khác: / - - Chuối Cavendish (Musa acuminata) (SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 16:34:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/08039020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1276
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1276
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1276
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM, KR)	0% (trừ MM, KR)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1264
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1265
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1265
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1265
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1265
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1265
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1265
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E1267
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1267
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1267
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1267
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1267
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	VJ!E1269
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2.5	VJ!F1269
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1269
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1269
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1269
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1269
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1271
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1267
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1267
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1267
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1267
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1267
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1267
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1267
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1265
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1265
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1265
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1265
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1265
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1265
VCFTA	2022	2022	6	VC!D1276
VCFTA	2023	2023	3	VC!E1276
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1276

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1276
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1276
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1276
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D1273
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E1273
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F1273
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1273
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1273
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1273
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D233
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E233
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D1283
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E1283
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F1283
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G1283
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H1283
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1283
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D1266
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E1266
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F1266
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1266
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1266
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1266
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D1268
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E1268
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F1268

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1268
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1268
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1268
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1266
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1266
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1266
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1266
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1266
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1266
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1266
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D1269
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E1269
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F1269
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G1269
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H1269
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I1269
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D1269
RCEP B	2023	2023	20	B!E1269
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F1269
RCEP B	2025	2025	15	B!G1269
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H1269
RCEP B	2027	2027	10	B!I1269
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D1269
RCEP C	2023	2023	20	C!E1269
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F1269
RCEP C	2025	2025	15	C!G1269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H1269
RCEP C	2027	2027	10	C!I1269
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D1269
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E1269
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F1269
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G1269
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H1269
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I1269
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D1270
RCEP E	2023	2023	20	E!E1270
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F1270
RCEP E	2025	2025	15	E!G1270
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H1270
RCEP E	2027	2027	10	E!I1270
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D1269
RCEP F	2023	2023	20	F!E1269
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F1269
RCEP F	2025	2025	15	F!G1269
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H1269
RCEP F	2027	2027	10	F!I1269
VIFTA	2024	2024	*	VI!F1218
VIFTA	2025	2025	*	VI!G1218
VIFTA	2026	2026	*	VI!H1218
VIFTA	2027	2027	*	VI!I1218

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0803.90 có 4 dòng thuế; dòng 0803.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chuối Cavendish (Musa acuminata) (SEN).	0803.90.10 Chuối ngự (Lady's finger banana) (SEN); 0803.90.30 Chuối Chestnut (Chestnut banana) (lai giữa Musa acuminata và Musa balbisiana, giống Berangan) (SEN); 0803.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 0803.90.20 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 0803.90.20	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0803.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 0803.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1276), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.